

Thứ sáu, ngày 14 tháng 7 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index bật tăng cuối phiên

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 17/7/2023		●	
Tuần 17/7-21/7/2023		●	
Tháng 07/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index bật tăng cuối phiên và đóng cửa tại mốc 1,168.40 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 10/18 ngành tăng điểm, trong đó Du lịch & Giải trí và Công nghệ thông tin dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Trong những phiên tới, chỉ số có thể sẽ có những phiên rung lắc trong vùng 1160-1170.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 14/7/2023, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

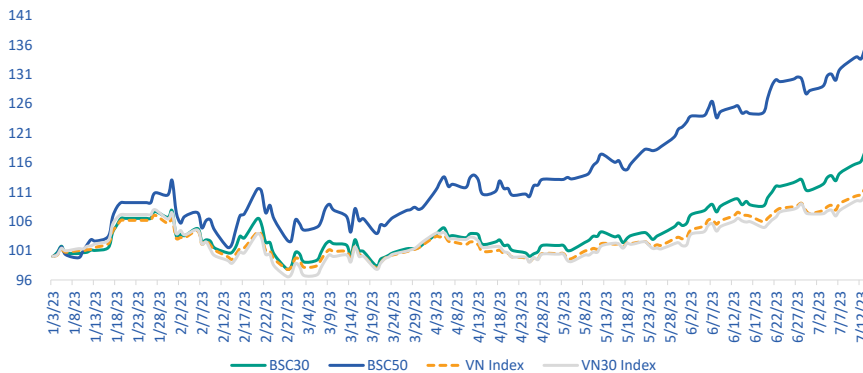
Điểm nhấn:

- VN-Index +2.98 điểm, đóng cửa 1168.4 điểm. HNX-Index +0.22 điểm, đóng cửa 230.19 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: FPT (+0.7), HPG (+0.66), VJC (+0.41), HVN (+0.36), MBB (+0.35).
- Kéo chỉ số giảm: STB (-0.48), BID (-0.19), PLX (-0.16), LPB (-0.15), GAS (-0.15).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 19,322 tỷ đồng, tăng 24.71% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 20,878 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 13.56 điểm. Thị trường có 220 mã tăng, 98 mã tham chiếu, 192 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -300.67 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm STB (-269.01 tỷ), VNM (-107.14 tỷ), VPB (-42.88 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 34.15 tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 +1.17%. Các mã diễn biến tích cực: NLG (+6.49%), FPT (+3.30%), HPG (+1.66%).
- BSC50 +1.31%. Các mã diễn biến tích cực: HDC (+6.89%), CII (+4.24%), NT2 (+3.81%).

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường (Chi tiết - trang 5)



Báo cáo doanh nghiệp chi tiết xem tại:

[Link](#)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vi mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

VN-INDEX 1168.40

Giá trị: 19322.23 tỷ 2.98 (0.25%)

Khối ngoại (ròng): -300.67 tỷ

HNX-INDEX 230.19

Giá trị: 1579.8 tỷ 0.22 (0.1%)

Khối ngoại (ròng): 34.15 tỷ

UPCOM-INDEX 86.29

Giá trị: 869.86 tỷ 0.08 (0.09%)

Khối ngoại (ròng): -11.17 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	75.9	1.46%
Giá vàng	1,957	1.30%
Tỷ giá USD/VND	23,720	-0.16%
Tỷ giá EUR/VND	26,534	-0.15%
Tỷ giá JPY/VND	17,102	-0.29%
LS liên NH 1 tháng	1.8%	0.26%
LS TPCP 5 năm	2.2%	-0.05%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	74.61	STB	-269.01
HPG	50.94	VNM	-107.14
KBC	35.56	VPB	-42.88
SSI	35.46	VRE	-35.48
PNJ	34.45	DGC	-30.66

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 14/7

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	75.92	1.46%	5.75%	9.11%	-16.90%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	80.37	1.22%	4.86%	8.30%	-16.53%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.67	1.98%	6.21%	8.53%	-13.18%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.66	-2.74%	-0.03%	10.35%	-59.69%		
TTF Gas	EUR/MWh	26.64	-8.33%	-22.50%	-26.11%	-85.24%		
Vàng	Ounce	1957.06	1.30%	2.07%	0.71%	12.78%		PNJ
Bạc	Ounce	24.13	4.46%	4.45%	1.92%	25.76%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1488.50	-2.10%	-3.80%	6.38%	8.63%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	13.87	-0.79%	-1.00%	-8.08%	-38.95%	KDC	VNM, GTN
Cao su	JPY/kg	131.40	-0.30%	-0.15%	-0.61%	-16.31%	SRC, CSM	DPR, PHR
Đường	LB	23.91	1.62%	1.62%	-4.97%	24.92%	VNM, GTN	SBT, LSS
Cà phê	LB	158.75	-0.35%	-2.16%	-13.13%	-24.33%	VCF, CTP	CTP, DLG
Ure	USD/T	377.50	2.72%	2.72%	27.10%	-46.45%		DPM, DCM
Niken	LB	20501.00	-1.51%	0.82%	-0.78%	-3.84%		PC1
Đồng	LB	3.85	2.54%	2.54%	0.46%	15.75%	CAV, SAM	MSN, ACM
Thép	CNY/ton	3683.00	0.52%	-1.34%	-1.15%	-6.29%		HPG
Nhôm	Ton	2152.00	0.30%	-0.25%	-3.41%	-9.58%	CAV, SAM	
Quặng sắt	Ton	112.50	-0.88%	-0.88%	0.45%	-2.17%	HPG	
Than đá	Ton	138.00	-1.18%	7.77%	1.28%	-66.50%	HT1, HPG	HLC, NBC

Thông tin nổi bật

1. Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Kết thúc phiên giao dịch ngày 13/07, dầu thô ghi nhận ngày tăng giá ngày thứ 3 liên tiếp, đưa giá dầu lên mức cao nhất kể từ ngày 25/4. Cụ thể, trong phiên ngày hôm qua, giá dầu WTI tăng 1,5% lên 76,89 USD/thùng và dầu Brent chốt phiên tại mức giá 81,36 USD/thùng, cao hơn 1,56% so với phiên trước đó. Trong đó, cả yếu tố cung cầu và vĩ mô đồng loạt thúc đẩy lực mua trên thị trường.

Giá vàng

• Giá vàng thế giới tiếp đà tăng với vàng giao ngay tăng 3,5 USD lên mức 1.960 USD/ounce. Vàng tương lai tháng 8 giao dịch lần cuối ở mức 1.963,8 USD/ounce, tăng 1,8 USD so với rặng sáng ngày trước đó.
 • Vàng có được mức tăng khiêm tốn và giữ được mức cao nhất trong 3 tuần khi báo cáo lạm phát khác được công bố cho thấy Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) có thể sắp kết thúc chu kỳ tăng lãi suất tích cực nhất trong 40 năm của mình. Đây được xem là tín hiệu lạc quan đối với thị trường hàng hóa, bao gồm cả kim loại quý.

Giá hàng hóa khác

• Giá cà phê arabica giao tháng 9/2023 tại New York ở mức 157,60 US cent/pound sau khi tăng 0,38% (tương đương 0,6 US cent) tại thời điểm khảo sát vào lúc 6h35 (giờ Việt Nam).

	14/7	% 14/7	13/7	% 13/7	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1168.40	0.26%	1165.42	9.53%	2.67%	4.56%
S&P 500			4510.04	0.85%	2.23%	4.91%
HĐTL S&P500	4541.50	-0.04%	4543.50	8.00%	2.42%	3.50%
Shang-hai	3237.70	0.04%	3236.48	-0.07%	1.29%	0.27%
Euro Stoxx	4400.09		4391.76	4.62%	3.86%	0.55%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FPT	78.30	3.30	0.70	2.82MLN
HPG	27.50	1.66	0.66	17.08MLN
VJC	97.90	3.16	0.41	1.71MLN
HVN	13.20	5.18	0.36	2.30MLN
MBB	18.65	1.65	0.35	18.53MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
STB	29.00	-3.33	0	74.86MLN
BID	46.75	-0.32	0	2.61MLN
PLX	40.90	-1.21	0	1.71MLN
LPB	15.65	-2.19	0	13.12MLN
GAS	99.00	-0.30	0	695200

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CRC	7.20	6.98	0.00	518200.00
POM	7.39	6.95	0.03	1.97MLN
HRC	50.90	6.93	0.03	1200
VAF	10.35	6.92	0.01	500
HDC	33.35	6.89	0.06	3.11MLN

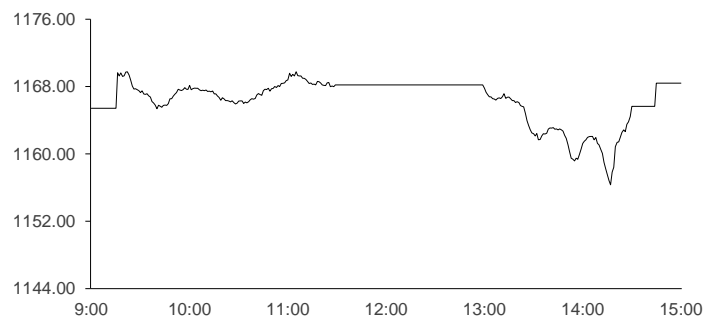
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
STB	29.00	-3.33	-0.48	74.86MLN
BID	46.75	-0.32	-0.19	2.61MLN
PLX	40.90	-1.21	-0.16	1.71MLN
LPB	15.65	-2.19	-0.15	13.12MLN
GAS	99.00	-0.30	-0.15	695200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HUT	20.50	1.99	0.22	4.67MLN
SHS	14.60	0.69	0.13	21.52MLN
DNP	27.40	3.01	0.10	400
EVS	15.20	4.83	0.09	831300.00
NVB	14.20	0.71	0.08	252900

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BAB	13.80	-1.43	-0.24	4100
DP3	72.20	-6.84	-0.08	42000
SZB	30.40	-12.14	-0.08	7700
CEO	21.20	-0.93	-0.06	7.74MLN
SCG	64.90	-0.92	-0.06	75500

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

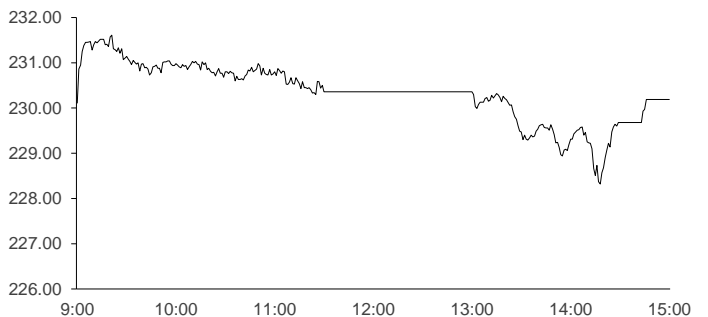
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
STC	20.90	10.0	0.01	200
TTH	3.30	10.0	0.02	2.57MLN
SIC	28.70	10.0	0.01	100
VMS	23.80	9.7	0.01	11100
VNC	45.80	9.6	0.03	1100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SZB	30.40	-12.14	-0.08	7700
SGD	21.40	-9.70	-0.01	1100
KMT	11.20	-9.68	0.00	100
TTL	8.40	-9.68	-0.01	1800
VTH	8.50	-9.57	0.00	1400

Hình 2

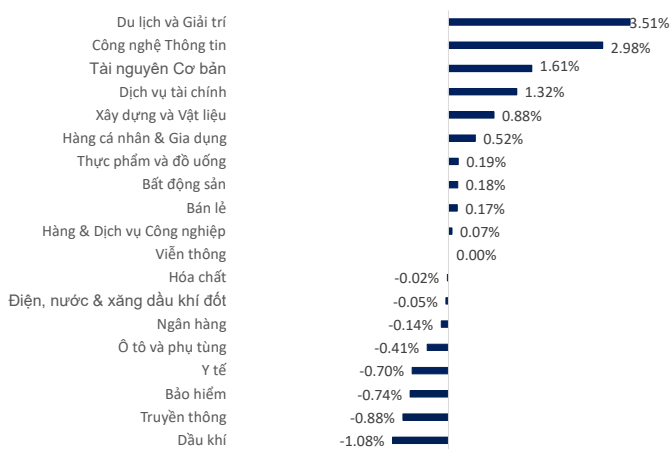
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

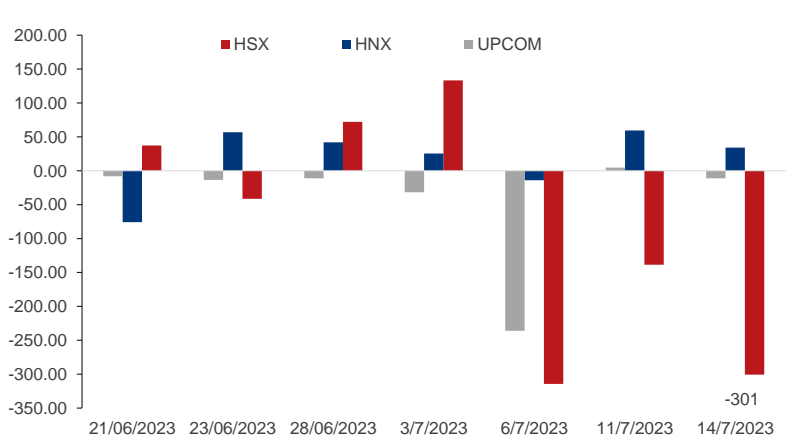
Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Hình 4

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục BSC30

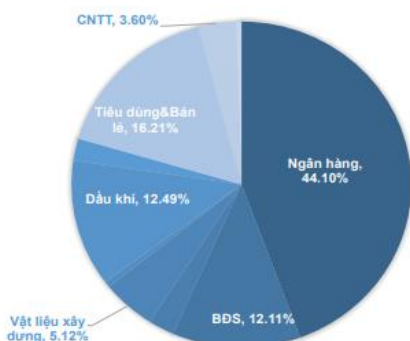
Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo
VCB	Ngân hàng	105.0	0.1%	0.8	21,605	3.6	7,311	14.4	105,000	23.6%	Link
BID	Ngân hàng	46.8	-0.3%	1.0	10,282	5.3	4,208	11.1	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	19.9	-0.3%	1.2	5,808	15.1	3,972	5.0	23,685	28.1%	Link
TCB	Ngân hàng	32.0	0.0%	1.4	4,886	6.2	14,982	2.1		17.6%	Link
MBB	Ngân hàng	18.7	1.6%	1.4	4,228	15.0	14,982	1.2	24,400	17.6%	Link
STB	Ngân hàng	29.0	-3.3%	1.3	2,377	93.4	4,640	6.3	31,200	30.0%	Link
GVR	BDS KCN	21.6	-0.2%	1.1	3,757	2.2	4,603	4.7	19,100	23.2%	Link
KBC	BDS KCN	31.0	0.0%	1.6	1,035	10.9	4,880	6.4	29,800	29.2%	Link
IDC	BDS KCN	44.2	-0.2%	1.7	634	5.1			52,400	42.8%	Link
VGC	BDS KCN	46.9	-0.1%	1.7	913	1.9	1,217	38.5		0.5%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	27.5	1.7%	1.0	6,952	20.2	1,916	14.4	25,000	23.4%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	56.4	0.2%	0.9	10,678	5.0	1,896	29.7	68,300	10.6%	Link
VRE	BDS	28.0	-0.5%	1.1	2,766	12.4	5,227	5.4	36,200	23.9%	Link
KDH	BDS	31.5	-0.6%	0.4	982	2.6	1,576	20.0	37,700	32.5%	Link
NLG	BDS	36.9	6.5%	1.6	616	10.8	2,557	14.4	38,100	44.9%	Link
DGC	Phân bón	71.6	0.6%	1.5	1,182	12.0	14,120	5.1	60,500	18.4%	Link
DPM	Dầu khí	36.9	-0.5%	1.3	628	5.7	6,793	5.4	42,000	3.0%	Link
DCM	Dầu khí	28.4	-0.4%	0.8	654	5.6	2,625	10.8	29,000	18.1%	Link
GAS	Dầu khí	99.0	-0.3%	0.7	8,238	3.0	2,292	43.2	122,300	41.1%	Link
PLX	Dầu khí	40.9	-1.2%	1.1	2,259	3.0	1,340	30.5	45,000	20.4%	Link
PVS	Dầu khí	34.0	0.0%	1.2	707	6.5	993	34.2	33,000	6.3%	Link
PVD	Dầu khí	25.2	-0.6%	1.5	608	5.6	7,698	3.3	26,000	49.0%	Link
POW	Tiện ích	13.3	-0.4%	1.1	1,354	4.4	3,895	3.4	14,500	55.8%	Link
VNM	Bán lẻ	73.3	0.3%	1.2	6,661	16.4	2,605	28.1	84,500	30.6%	Link
MSN	Bán lẻ	81.8	0.0%	1.2	5,064	6.0	3,456	23.7	96,000	49.0%	Link
MWG	Bán lẻ	49.5	0.2%	1.4	3,145	12.6	7,475	6.6	55,200	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	78.5	0.6%	0.8	1,119	5.0	2,965	26.5	95,000	29.0%	Link
VHC	Thủy sản	74.8	0.4%	1.2	596	2.3	12,800	5.8	67,500	30.5%	Link
GMD	Logistics	57.0	-0.3%	0.7	747	2.2	7,059	8.1	57,000	48.8%	Link
FPT	Công nghệ	78.3	3.3%	0.7	4,323	9.5	5,901	13.3	91,900	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.17%	1.31%	0.96%	1.22%
1 tuần	2.88%	3.59%	2.09%	1.76%
1 tháng	6.37%	7.16%	3.75%	3.84%
3 tháng	11.93%	19.57%	7.85%	6.10%

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	29.9	-0.3%	1.2	6,247	10.3	3,520	8.5	1.3	27.2%	16.1%
ACB	Ngân hàng	22.0	0.0%	1.0	3,715	6.6	3,742	5.9	1.4	30.0%	26.3%
HDB	Ngân hàng	18.9	1.6%	0.9	2,067	3.8	3,149	6.0	1.2	19.5%	22.6%
LPB	Ngân hàng	15.7	-2.2%	1.5	1,177	9.0	2,732	5.7	1.1	4.2%	19.9%
VIB	Ngân hàng	20.3	0.2%	1.3	2,233	4.0	3,469	5.8	1.6	20.5%	29.7%
VND	Chứng khoán	18.5	3.1%	2.0	980	34.9	489	37.8	1.5	23.3%	4.8%
TPB	Ngân hàng	18.2	-0.5%	1.1	1,737	3.0	2,895	6.3	1.2	29.2%	20.9%
SSI	chứng khoán	28.5	0.4%	1.7	1,858	19.8	1,120	25.4	1.9		7.9%
CII	Xây dựng	19.7	4.2%	1.9	243	16.7	218	90.3	0.9	8.9%	1.0%
C4G	Xây dựng	14.6	1.4%	2.1	214	3.9	791	18.5	1.3	0.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	80.0	3.0%	1.9	259	2.3	184	434.9	0.7	49.0%	0.2%
HHV	Xây dựng	15.9	-0.3%	1.7	227	6.1	903	17.6	0.7	4.6%	3.9%
LCG	Xây dựng	14.2	0.0%	2.2	117	6.0	812	17.5	1.1	3.2%	6.1%
BCM	KCN	80.9	-0.1%	0.9	3,641	1.2	1,170	69.1	4.9	2.7%	8.1%
HUT	KCN	20.5	2.0%	1.5	311	4.2	162	126.7	1.8	1.9%	1.4%
PHR	KCN	51.3	0.0%	1.5	302	1.3	6,039	8.5	2.0	15.2%	24.1%
SZC	KCN	32.3	-0.5%	1.9	168	1.2	1,103	29.2	2.5	3.0%	8.9%
HSG	Vật liệu	17.8	1.4%	2.1	475	13.4	(1,694)		1.1	17.7%	-9.6%
HT1	Vật liệu	17.0	2.4%	1.5	282	1.3	386	44.0	1.3	3.4%	2.9%
NKG	Vật liệu	19.4	3.8%	2.3	221	12.1	(2,586)		1.0	9.8%	-11.8%
PTB	Vật liệu	53.9	-1.1%	1.1	159	1.6	6,017	9.0	1.3	15.9%	15.7%
KSB	Vật liệu	31.5	1.0%	1.8	104	4.0	1,393	22.6	1.2	3.4%	5.6%
NVL	BDS	15.2	1.3%	1.0	1,285	28.2	362	41.8	0.8	3.5%	1.9%
DXG	BDS	15.8	1.3%	2.3	418	15.1	(240)		1.1	18.5%	-1.6%
HDC	BDS	33.4	6.9%	1.5	196	4.4	2,526	13.2	2.4	1.8%	20.9%
DIG	BDS	22.4	1.4%	2.6	594	20.7	262	85.6	2.0	5.5%	2.1%
IJC	BDS	14.6	-0.7%	2.0	160	1.5	1,662	8.8	0.9	6.4%	11.2%
BSR	Dầu khí	18.2	-1.1%	1.4	2,453	6.9	4,750	3.8	1.1	0.4%	33.2%
PVT	Dầu khí	23.7	0.0%	1.2	334	4.6	2,740	8.6	1.2	14.7%	15.4%
PLC	Săm lốp	38.2	-1.3%	1.9	134	0.7	1,355	28.2	2.4	1.3%	8.2%
DRC	Tiện ích	23.2	-0.9%	1.3	120	0.8	2,246	10.3	1.5	9.5%	14.4%
REE	Tiện ích	66.0	0.0%	0.8	1,173	2.0	6,714	9.8	1.7	49.0%	18.6%
GEX	Tiện ích	20.4	1.0%	1.9	755	21.5	10	2042.9	1.5	11.7%	0.1%
NT2	Tiện ích	31.4	3.8%	0.7	392	2.7	3,245	9.7	2.0	15.5%	20.9%
HDG	Tiện ích	31.7	-0.2%	1.7	421	1.0	3,775	8.4	1.7	24.8%	22.6%
PC1	Tiện ích	28.0	0.0%	1.4	329	3.4	1,257	22.3	1.5	6.3%	6.8%
GEG	Tiện ích	15.2	2.0%	1.1	225	1.2	902	16.8	1.7	46.4%	5.7%
BCG	Dầu khí	9.8	-0.6%	2.2	227	5.1	220	44.5	0.8	1.7%	1.5%
SAB	Bán lẻ	153.8	0.2%	0.2	4,288	0.8	7,649	20.1	4.1	62.3%	22.1%
QNS	Bán lẻ	52.0	1.2%	0.5	807	3.1	4,226	12.3	2.1	17.2%	17.5%
FRT	Bán lẻ	77.2	1.0%	1.5	457	3.6	1,620	47.7	5.3	33.4%	11.5%
DGW	Bán lẻ	50.0	-0.8%	1.9	363	4.1	3,397	14.7	3.3	24.4%	24.7%
DBC	Bán lẻ	26.0	-0.6%	2.1	274	8.4	(1,339)		1.5	7.7%	-7.2%
PET	Bán lẻ	29.5	-1.0%	2.3	127	1.1	1,026	28.8			4.3%
BAF	Bán lẻ	24.8	-0.4%		155	3.5	1,409	17.6	1.9	0.2%	11.8%
ANV	Thủy sản	38.3	0.8%	1.6	222	3.6	4,368	8.8	1.7	4.0%	20.1%
VSC	Logistics	36.3	-2.2%	0.5	191	3.0	2,087	17.4	1.7	3.2%	9.4%
HAH	Logistics	48.8	-0.5%	1.3	149	3.5	9,072	5.4	1.4	4.8%	34.4%
CTR	Công nghệ	74.1	0.1%	1.4	369	1.0	4,040	18.3	4.8	10.5%	29.3%
TNG	Dệt may	19.9	-0.5%	1.7	98	1.3	2,665	7.5	1.4	19.2%	19.3%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

